

Số: 28/2024/QĐST-KDTM

D, ngày 02 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự đã thật sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 166/2023/TLST - KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2023.

Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 22/4/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ2 (B)**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị **Ngân hàng TMCP Đ2**.

Địa chỉ: **T, A T, quận H, Hà Nội**.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tiến P** – Chức vụ: Giám đốc- người đứng đầu **Ngân hàng TMCP Đ2- Chi nhánh P1**

(Theo quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị **Ngân hàng Đ2**).

Người được ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Quang Đ**- Chức vụ: Giám đốc **phòng G**.

(Theo quyết định số 491/QĐ-BIDV.PD ngày 17/5/2023 của Giám đốc **Ngân hàng TMCP Đ2- chi nhánh P1**).

- Bị đơn: Ông **Đặng Viết Đ1**, sinh năm 1970; bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: **Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán: Ông **Đặng Viết Đ1** và bà **Bùi Thị N** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh P1** theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/13561774/HĐTD ngày 21/09/2022 tổng số tiền đến ngày 22/04/2024 là: 2.223.697.225 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng*) trong đó :

+ Tiền nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.

+ Tiền nợ lãi trong hạn: 157.916.438 đồng.

+ Tiền nợ lãi quá hạn: 65.780.787 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 24/4/2024 ông **Đặng Viết Đ1** và bà **Bùi Thị N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2022/13561774/HĐTD ngày 21/09/2022. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, và lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông **Đặng Viết Đ1** và bà **Bùi Thị N** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 68. Địa chỉ thửa đất: **Đ, xóm T, T, Y, Nghệ An** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 708974 do **UBND huyện Y** cấp ngày 09/11/2011 cho ông **Đặng Viết Đ1** và bà **Bùi Thị N**.

Hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất được thể hiện chi tiết tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Khi ông **Đặng Viết Đ1** và bà **Bùi Thị N** ai trả nợ xong Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đ1**, bà **N** theo quy định.

2.3. **Án phí:** **Ngân hàng TMCP Đ2** và ông **Đặng Viết Đ1** và bà **Bùi Thị N** thỏa thuận ông **Đ1**, bà **N** phải nộp 38.236.972 đồng (ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi sáu đồng chín trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Đ2** số tiền tạm ứng án phí 36.835.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0011024, ngày 01/11/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện Diễn Châu;
- Cơ quan T.H.A.D.S Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Bạch Hưng Thành